

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng ở Việt Nam hiện nay

Phạm Văn Dũng¹

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
Email: phamvandungkte@gmail.com

Nhận ngày 3 tháng 4 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 2 tháng 5 năm 2017.

Tóm tắt: Trong chiến lược phát triển đất nước những năm tới, chuyển đổi mô hình tăng trưởng là định hướng hết sức cần thiết và đúng đắn. Nhưng tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân cũng là mục tiêu quan trọng. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng và giải quyết việc làm, đảm bảo đời sống cho người dân có quan hệ nhiều chiều, vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn với nhau. Để thực hiện các mục tiêu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cần phải lựa chọn nội dung, lộ trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng cho phù hợp; đồng thời, luôn phải tính đến tác động của sự chuyển đổi đó tới việc làm và đời sống của người dân nhằm hạn chế đến mức cao nhất tác động nghịch của quá trình chuyển đổi. Những giải pháp chủ yếu cần thực hiện bao gồm: chuyển đổi mô hình tăng trưởng phải gắn với khả năng giải quyết việc làm cho người lao động; ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ có chọn lựa; thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh; phát triển nguồn nhân lực gắn chặt với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; phát triển đào tạo nghề theo chuẩn mực quốc tế; hoàn thiện các chính sách xã hội và hệ thống đảm bảo an sinh, an toàn xã hội.

Từ khóa: Mô hình tăng trưởng, chuyển đổi, việc làm, đời sống người dân.

Abstract: A shift in the growth model is an extremely necessary and correct orientation in Vietnam's development strategy for the years to come. Another important goal is to generate employment and enhance the material and spiritual life for the people. The two above-mentioned objectives have multi-dimensional relations which are both consistent and contradictory. The former requires for the proper selection of the contents and roadmap of the shift, while maintaining the continuous attention paid to its impacts on employment and people's life so as to minimise the unwanted impacts. The major solutions to be carried out include the linkage between the shift and the capacities in job generation, the selective scientific and technological applications, the implementation of the green growth strategy, the development of the human resources, which is closely connected to the shift; the development of vocational training in line with international standards; while improving social policies and the system to ensure social security and safety.

Keywords: Growth model, transformation, employment, people's life.

1. Mở đầu

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng của nước ta là tất yếu khách quan, là điều kiện phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, chuyển đổi mô hình tăng trưởng không chỉ đem lại lợi ích, mà sẽ còn làm nảy sinh không ít vấn đề xã hội, trong đó có vấn đề việc làm, thu nhập và đời sống của người dân. Do đó, chuyển đổi mô hình tăng trưởng như thế nào để giá phải trả thấp nhất là vấn đề cần cân nhắc kỹ. Bài viết này phân tích tính cấp thiết và thách thức của chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm chuyển đổi thành công mô hình tăng trưởng.

2. Tính cấp thiết và thách thức của chuyển đổi nhanh mô hình tăng trưởng

Trong những năm gần đây, năng lực cạnh tranh của Việt Nam đã được cải thiện nhưng vẫn ở vị trí rất thấp. Năm 2016, chỉ số điểm năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam là 4,31, cao hơn năm 2015 một chút. Tuy nhiên, theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Việt Nam đứng thứ 56/140 nước năm 2015 thì đến năm 2016 bị tụt xuống vị trí 60/138 nước. Ở khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng thứ 6, sau Singapore (đứng thứ 2), Malaysia (đứng thứ 25), Thái Lan (đứng thứ 34), Indonesia (đứng thứ 41) và Philippines (đứng thứ 57) [5].

Thực tế đó cho thấy, nền kinh tế Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức, trong đó có mô hình tăng trưởng. Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức rất rõ sự cần thiết phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng tại Đại hội Đảng XI (năm

2011). Đại hội Đảng XII (năm 2016) tiếp tục cụ thể hóa quan điểm này khi khẳng định: “Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo” [3, tr.87].

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng như vậy hoàn toàn cần thiết và đúng đắn. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam hiện nay là làm thế nào để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi đó.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng sẽ tác động nhiều chiều đến các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực việc làm, thu nhập và đời sống của người dân. Một mặt, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo đòi hỏi chất lượng lao động phải được nâng cao và làm xuất hiện nhiều ngành nghề mới. Đây là cơ hội thuận lợi để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả các hoạt động kinh tế, đồng thời cũng là tiền đề tạo ra việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người lao động. Mặt khác, bộ phận lao động chưa qua đào tạo (hoặc qua đào tạo nhưng chưa thích ứng được yêu cầu thị trường) sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo. Việt Nam phấn đấu đến năm 2020 đạt “tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị

dưới 4%” [3, tr.81]. Như thế, đến năm 2020 bộ phận người lao động bị ảnh hưởng tiêu cực của chuyển đổi mô hình tăng trưởng (lao động nông nghiệp và lao động chưa qua đào tạo) vẫn còn rất lớn. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhưng vẫn phải “giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân” [3, tr.87]. Đây là thách thức thật sự cho Việt Nam trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

3. Giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Thứ nhất, gắn chuyển đổi mô hình tăng trưởng với khả năng giải quyết việc làm cho người lao động.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng sẽ làm thay đổi căn cốt nền kinh tế và làm nảy sinh không ít vấn đề xã hội, trong đó có vấn đề lao động và việc làm, vì thế nên không thể nóng vội chuyển đổi, mà cần có lộ trình. Để đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, cần phải phân loại các ngành kinh tế và định hướng chuyển đổi cho từng loại ngành. Những ngành giữ vai trò quyết định đối với khả năng cạnh tranh, quyết định tương lai và sự phát triển của nền kinh tế phải nhanh chóng chuyển dịch theo hướng hiện đại, hiệu quả. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng phải ưu tiên đầu tư cho các ngành công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn. Đó là các ngành dịch vụ cao cấp như tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông, hàng không và các ngành

kinh tế có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, như: công nghệ phần mềm, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano... Sự phát triển nhanh chóng của các ngành, lĩnh vực kinh tế quan trọng này có ý nghĩa giải quyết việc làm không chỉ cho giai đoạn hiện tại, mà cho cả tương lai.

Đối với những ngành truyền thống cần thực hiện chuyển đổi theo nguyên tắc: chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế phù hợp khả năng chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm cho người lao động; tối ưu hóa hiệu quả kinh tế - xã hội. Những ngành sử dụng nhiều lao động (như dệt may, da giày...) vẫn cần được duy trì, từng bước chuyển đổi để tạo việc làm cho người lao động. Đặc biệt, nông nghiệp, nông thôn vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển, tạo ra gần một nửa tổng số việc làm trong nền kinh tế và đang giữ vai trò quan trọng trong ổn định kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhưng không được bỏ rơi nông nghiệp, nông thôn còn vì người dân ở khu vực này khó thích ứng với chuyển đổi nghề nghiệp.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng phải phát triển các ngành hỗ trợ cho nông nghiệp, nông thôn, trước hết là công nghiệp bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản. Sự phát triển của những ngành này vừa tạo thêm nhiều việc làm, vừa nâng cao giá trị sản phẩm, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân.

Trong điều kiện đất nước đang phát triển, khu vực kinh tế phi chính thức vẫn có vai trò quan trọng trong tạo việc làm. Do đó, Nhà nước nên tạo điều kiện thuận lợi cho người dân hoạt động trong khu vực này, đặc biệt là hỗ trợ người dân tự tạo việc làm.

Thứ hai, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ có chọn lựa.

Khoa học - công nghệ là nguồn lực trực tiếp quyết định năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và của nền kinh tế. Do đó, nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ là yêu cầu bức xúc đối với Việt Nam hiện nay. Là nước đi sau, Việt Nam cần đặc biệt coi trọng chuyển giao công nghệ. Đây là con đường ngắn nhất để tiếp cận trình độ khoa học - công nghệ của thế giới. Tiếp cận công nghệ nguồn tuy không phải là dễ dàng nhưng là bước đi cần thiết để sớm đạt được trình độ trung bình của thế giới.

Để chuyển giao công nghệ hiệu quả và chuẩn bị cho các bước phát triển tiếp theo, Việt Nam vẫn cần đầu tư cho khoa học cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Tuy nhiên, do các nguồn lực có hạn nên cần phải lựa chọn và tập trung đầu tư cho các ngành khoa học - công nghệ mà đất nước có tiềm năng và nhu cầu cấp thiết. Hơn nữa, việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ sẽ làm giảm cầu lao động và làm tăng thất nghiệp. Do đó, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ cần ưu tiên cho các ngành, lĩnh vực quyết định sự phát triển của nền kinh tế trong tương lai; với các ngành đang sử dụng nhiều lao động cần cân nhắc và lựa chọn.

Ngày nay, đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ phải dựa vào sự phát triển thị trường khoa học - công nghệ. Khi có thị trường khoa học - công nghệ, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận và lựa chọn công nghệ phù hợp; các nhà khoa học bán được sản phẩm, tức là được trả và có điều kiện để nghiên cứu, sáng tạo.

Thứ ba, thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh.

Tăng trưởng xanh là tăng trưởng đạt được bằng cách sử dụng tiết kiệm, hiệu quả

các nguồn tài nguyên và năng lượng để giảm thiểu biến đổi khí hậu và thiệt hại tới môi trường, tạo ra các động lực tăng trưởng mới thông qua nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh, tạo các cơ hội việc làm mới và đạt được sự hài hòa giữa phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Thực tiễn trả giá về tài nguyên, môi trường ở nước ta những năm vừa qua cho thấy tăng trưởng xanh đã trở thành yêu cầu cấp thiết.

Trong công nghiệp, tăng trưởng xanh đòi hỏi phải xác định cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm. Nền nông nghiệp xanh đòi hỏi phải vận dụng các quy luật sinh học, sinh thái học và sử dụng chất hữu cơ nhiều tầng nấc nhằm tiết kiệm tài nguyên, giảm tiêu hao năng lượng đầu vào, hạn chế sử dụng phân hóa học, thuốc hóa chất, giảm ô nhiễm môi trường, bảo đảm cho người dân được sử dụng nông sản sạch, an toàn có lợi cho sức khỏe.

Phát triển nông nghiệp xanh vừa phải dựa vào những thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại, vừa tận dụng được kinh nghiệm sản xuất của cha ông ta. Nền nông nghiệp xanh sẽ đáp ứng yêu cầu tiêu dùng xanh của thị trường, làm tăng sức cạnh tranh nông sản thực phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế. Từ đó, nông nghiệp xanh sẽ kéo dài chuỗi sản xuất, giúp cho nông phẩm được tinh chế ngày càng sâu, tăng nhanh năng suất lao động và hiệu quả kinh tế; tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông dân; làm cho ngành nông nghiệp có thể phát triển bền vững...

Tăng trưởng xanh là quy luật tất yếu và phù hợp với điều kiện của Việt Nam hiện nay, nên cần thực hiện ngay và đó cũng là

giải pháp đẩy nhanh chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Thứ tư, gắn chặt phát triển nguồn nhân lực với chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Phát triển nguồn nhân lực phải xuất phát từ yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, phát triển nguồn nhân lực cần tập trung cho các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản; tài chính, ngân hàng, viễn thông, hàng không, đường sắt, xây dựng; công nghệ phần mềm, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano; quản trị và phát triển doanh nghiệp, marketing, quản lý nhân lực, dịch vụ chăm sóc sức khỏe... Đó là những ngành, lĩnh vực chủ lực của nền kinh tế hiện đại mà chuyển đổi mô hình tăng trưởng hiện nay đang hướng đến. Đây cũng chính là chuyển dịch cơ cấu lao động theo yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Ngay cả khi nền kinh tế chưa hấp thụ hết nguồn nhân lực này, người lao động hoàn toàn có khả năng tìm kiếm việc làm trên thị trường lao động quốc tế, mà trước hết là thị trường lao động của Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).

Thứ năm, phát triển đào tạo nghề theo chuẩn mực quốc tế.

Để lao động Việt Nam đủ sức cạnh tranh và tự tin hội nhập khu vực thì chất lượng nguồn nhân lực là một trong những nhân tố quan trọng nhất. Người lao động thiếu và yếu các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng kinh doanh, kỹ năng mềm sẽ gặp nhiều khó khăn trong cơ hội tìm kiếm việc làm, nhất là việc làm có thu nhập cao trong môi trường làm việc đa văn hóa khi tham gia AEC. Điều này đòi hỏi, giáo dục nghề nghiệp phải có những thay đổi lớn.

Việc Việt Nam tham gia Cộng đồng ASEAN và ký kết nhiều hiệp định kinh tế quốc tế đang đặt ra nhiều vấn đề cho giáo dục nghề nghiệp. Trước hết, sự hình thành thị trường lao động ASEAN, việc ký kết nhiều hiệp định kinh tế quốc tế song phương và đa phương sẽ tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động Việt Nam; đồng thời, lao động Việt Nam sẽ phải cạnh tranh quyết liệt với lao động nước ngoài. Tuy nhiên, đây cũng chính là cơ hội để mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp cho người lao động.

Để nâng cao khả năng cạnh tranh của lao động Việt Nam, điều ai cũng thấy là phải nhanh chóng nâng cao chất lượng dạy nghề. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn là cần phải đạt được mục tiêu đó. Muốn vậy trước hết, cần phải nghiên cứu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động ASEAN. Đây là căn cứ đầu tiên xây dựng chiến lược đào tạo nghề của Việt Nam. Tiếp theo, Việt Nam cần sắp xếp lại hệ thống dạy nghề và đổi mới chương trình đào tạo theo chuẩn khu vực và thế giới; tăng cường đào tạo tiếng Anh trong các cơ sở dạy nghề, bảo đảm cho người học nghề có khả năng giao tiếp trong quá trình làm việc; tăng cường kiểm định chất lượng dạy nghề theo chuẩn khu vực và thế giới; khuyến khích các cơ sở dạy nghề thực hiện kiểm định bởi các tổ chức kiểm định quốc tế uy tín...

Để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đào tạo nghề, các cơ sở đào tạo nghề cần được hoạt động theo định hướng thị trường. Về nguyên tắc, Nhà nước chỉ đầu tư ban đầu cho một số cơ sở đào tạo nghề trọng điểm về đất đai, nguồn nhân lực, chương trình, giáo trình... Đối với cơ sở vật chất và các trang thiết bị thì phải huy động vốn từ doanh nghiệp hoặc thị trường. Đầu tư cho các cơ sở đào tạo nghề phải đến mức

đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động khu vực và quốc tế. Khi đó, người học sẽ sẵn sàng trả tiền để học nghề và đây sẽ là kênh huy động tài chính lâu dài cho đào tạo nghề.

Thứ sáu, hoàn thiện các chính sách xã hội và hệ thống đảm bảo an sinh, an toàn xã hội.

Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng đem lại cho đất nước và cho người lao động nhiều lợi ích, nhưng cũng sẽ làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội: một bộ phận người lao động mất việc, thậm chí không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp; người nghèo không có khả năng tài chính để tiếp nhận dịch vụ đào tạo nghề chất lượng cao... Do đó, Nhà nước cần quan tâm giải quyết các vấn đề này.

Cần phải coi hoàn thiện các chính sách xã hội và hệ thống đảm bảo an sinh, an toàn xã hội là điều kiện thực hiện chuyển đổi nhanh mô hình tăng trưởng. Vì vậy, các nguồn lực dành cho chuyển đổi mô hình tăng trưởng phải được phân bổ thỏa đáng cho đảm bảo an sinh, an toàn xã hội và coi đây là một nội dung thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

4. Kết luận

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng cần kết hợp với giải quyết việc làm, đảm bảo đời sống cho người dân. Đó là những nhiệm vụ quan trọng mà Việt Nam cần thực hiện

trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện cùng lúc cả hai nhiệm vụ đó rất khó khăn, phức tạp vì giữa chúng có không ít mâu thuẫn. Tuy nhiên, những mâu thuẫn trong thực hiện hai nhiệm vụ đó hoàn toàn có thể giải quyết được. Điều quan trọng là phải nhận thức đúng và phải hành động thường xuyên, quyết liệt.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016), *Bản tin cập nhật thị trường lao động*, quý I, II, III, IV, Hà Nội.
- [2] Chính phủ (2017), *Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020*, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Tổng cục Thống kê (2016), *Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2011 - 2015*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [5] WEF (2017), *The Global Competitiveness Report 2016 - 2017*.